

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 04/5/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cung Trần Lương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chanh

2. Bà Sùng Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: Ông Mua Mí Chứ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Đức C, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

3. *Người làm chứng:*

Chị Vương Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 02 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Đức C kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 2 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu đương, không bên nào bị ép buộc. Tuy nhiên sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên tụ tập rượu chè không quan tâm đến gia đình, không có công ăn việc làm, không kiếm tiền hỗ trợ vợ con, mỗi lần say lại chửi mắng và đánh đập chị T. Đến giữa tháng 7/2022 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị đã sống ly thân cho đến nay. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đức C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu thứ nhất là Hà Trung K, sinh ngày 04/9/2010 và cháu thứ hai là Hà Quỳnh N, sinh ngày 18/5/2016. Sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng và đối với cháu Hà Trung K số tiền 745.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2023 anh Hà Đức C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, tuy nhiên anh C vẫn thường xuyên đến thăm hỏi vợ con. Nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau và tiếp tục nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trường hợp chị T nhất quyết ly hôn anh đề nghị anh là người chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung anh khẳng định vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2022 cháu Hà Trung K trình bày:

Cháu là con ruột của anh C và chị T, trong quá trình chung sống anh C thường xuyên uống rượu say, thỉnh thoảng anh C có đánh 03 mẹ con. Sau khi anh C và chị T sống ly thân anh C có thường xuyên đến thăm hỏi. Nếu anh C và chị T ly hôn cháu K có nguyện vọng được ở với chị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022 người làm chứng chị Vương Thị H trình bày

Chị là đồng nghiệp của anh C và chị T tại trường cấp 2 xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang. Chị đã từng chứng kiến việc anh C và chị T giằng co nhau trong cơ quan sau đó được mọi người can ngăn.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Đức C. Hiện nay chị và anh C đã không còn tình cảm gì với nhau, trước đây chị đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa án nhân dân huyện M, tuy nhiên sau khi được hòa giải chị lại cho anh C có cơ hội sửa sai nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy, đến nay chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C; về con chung chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai cháu Hà Trung K và cháu Hà Quỳnh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng; về công nợ chung và tài sản chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định tại BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

Bị đơn anh Hà Đức C không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho cơ quan Tòa án để làm rõ những tình tiết khách quan trong vụ án. Do vậy gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Xét thấy việc chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Hà Đức C là do anh C thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc, góp sức cùng vợ vun vén gia đình. Chị T đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa nhưng sau khi hòa giải chị lại rút đơn cho anh C thêm cơ hội để sửa sai, tuy nhiên anh C vẫn thường xuyên rượu chè không chăm lo cho gia đình. Như vậy, theo đơn khởi kiện cùng những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân

và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Hà Đức C.

Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung là cháu Hà Trung K, sinh ngày 04/9/2010 và cháu Hà Quỳnh N, sinh ngày 18/5/2016. Xét thấy, anh C hiện không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định việc giao các cháu Hà Trung K và cháu Hà Quỳnh N cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo; chị T đang công tác tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang có thu nhập ổn định, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và cháu N của chị T là đủ điều kiện. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T giao các cháu Hà Trung K và cháu Hà Quỳnh N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm chung của cả bố và mẹ việc chị T yêu cầu anh C phải cấp dưỡng đối với cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng là phù hợp. Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh C phải có trách nhiệm cấp dưỡng số tiền 1.490.000 đồng/tháng cho cháu Hà Quỳnh N.

Tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Thu phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Hà Đức C có địa chỉ tại tổ 01 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang, nên vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Hà Đức C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Đức C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Đức C có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy chị T và anh C có thời gian chung sống hạnh phúc ngắn, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nguyên nhân là do anh C thường xuyên ghen tuông, uống rượu đánh đập vợ con, không tu trí làm ăn, vun vén gia đình thể hiện cụ thể tại hai bản tường trình ngày 31/8/2010 và ngày 27/10/2010 do anh C tự viết ngoài ra nhiều lần chị T đã nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang, tuy đã hòa giải và cho anh C cơ hội để sửa sai nhiều lần nhưng bản thân anh C không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không hợp tác, thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T để tiếp tục xây dựng lại gia đình. Qua đó cho thấy anh C và chị T đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, cho chị T được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung là cháu Hà Trung K, sinh ngày 04/9/2010 và cháu Hà Quỳnh N, sinh ngày 18/5/2016. Xét thấy, anh C hiện không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định việc giao các cháu Hà Trung K và cháu Hà Quỳnh N cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo; chị T đang công tác tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang, có thu nhập ổn định, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và cháu N của chị T là đủ điều kiện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do vậy, yêu cầu của chị T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Trung K và cháu Hà Quỳnh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị T buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng/ tháng là phù hợp, nghĩa vụ nuôi con là của cả bố và mẹ. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang là phù hợp do vậy HĐXX căn cứ vào các Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh Hà Đức C phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Hà Đức C phải chịu án phí theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hà Đức C. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Hà Trung K, sinh ngày 04/9/2010 và cháu Hà Quỳnh N, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Hà Đức C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà Quỳnh N số tiền 1.490.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, kể từ ngày 01/6/2023 thời hạn cấp dưỡng là ngày cuối cùng của mỗi tháng, do chị Nguyễn Thị T là người đại diện nhận.

"Khoản tiền nói trên kể từ ngày hết thời hạn cấp dưỡng và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

Anh C có quyền thăm non con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Hà Đức C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0006492 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

Đương sự có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Củng Trần Lương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sùng Thị Máy

Nguyễn Thị Chanh

Củng Trần Lương